TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2024/HS-PT
Ngày: 19 - 01 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Sơn

Các Thẩm phán: Ông Phạm Văn Tỉnh; Ông Lê Văn Phận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh Tâm– Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 102/2023/TLPT-HS ngày 15 tháng 12 năm 2023 đối với bị cáo Tạ Minh N do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2023/HS-ST ngày 14 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Bị cáo có kháng cáo:

Tạ Minh N, sinh năm: 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số A, ấp K, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Tạ Khắc M và bà Đặng Thị G; vợ: Phạm Thị Hồng L (đã ly hôn); bị cáo có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; bị cáo tại ngoại, có mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 19 giờ, ngày 05/3/2023, Tạ Minh N điều khiển xe mô tô biển số 71B1-609.70 đến nhà bà Huỳnh Thị Đ ở ấp K, thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre để gặp nói chuyện với bà Đ về việc bà Đ nói xấu N, gia đình N với người khác và cản ngăn không cho Nguyễn Thị Hồng Đ1 quen với N, do N nghe được thông tin từ bạn của N là Đ1 nói lại. Khi đến nhà bà Đ thì giữa N và bà Đ có xảy ra cự cãi qua lại. Sau đó, N lên xe mô tô chạy đi khoảng 10 mét thì bà Đ đi theo sau tiếp tục la lên cãi nhau với N. Lúc này, do bực tức bà Đ nói xấu N, chửi N nên N dừng xe lại rồi lấy trong túi áo khoác ra một con dao, loại dao xếp bằng kim loại có chiều dài khoảng 17cm, phần lưỡi dao có chiều dài khoảng 06cm, mũi dao nhọn, lưỡi dao có

02 cạnh bén, N cầm dao bằng tay phải, đâm một nhát trúng vào trước ngực trái của bà Đ gây thương tích. Sau khi gây thương tích cho bà Đ, N định lên xe bỏ chạy nhưng bị bà Đ chạy theo kéo giữ xe lại nên N bỏ xe, chạy bộ về nhà. Trên đường bỏ chạy, N mang theo con dao vừa gây thương tích cho bà Đ và vứt bỏ con dao xuống khu vực cống R (hay còn gọi là cống Bà Mười M1). Một lúc sau, lực lượng công an đến mời N làm việc và N đã khai nhận hành vi gây thương tích cho bà Huỳnh Thị Đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tổ chức cho Tạ Minh N tìm kiếm con dao là hung khí gây thương tích cho bà Huỳnh Thị Đ mà N khai nhận là đã vứt bỏ xuống khu vực cống R thuộc ấp K, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre nhưng không phát hiện và không thu hồi được.

Tại Kết luận giám định số: 100-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 23/3/2023 của Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Huỳnh Thị Đ tại thời điểm giám định là: 09%. Cơ chế hình thành thương tích: Do vật sắc nhọn gây ra.

Ngày 28/3/2023, Tạ Minh N có đơn yêu cầu giám định lại tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích.

Tại Kết luận giám định số: 75/KLTTCT-PVPYQG ngày 10/4/2023, Viện pháp y Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo mổ và sẹo vết thương kích thước trung bình ngực trái.

- Sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ ngực trái.

- Sẹo dẫn lưu kích thước trung bình đường nách trước trái.

- Tổn thương nhu mô phổi đã điều trị gây sẹo xơ trong thùy lưỡi phổi trái, tràn dịch màng phổi và dày màng phổi.

2. Kết luận:

2.1. Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Huỳnh Thị Đ tại thời điểm giám định là: 20%, áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư.

2.2. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể được xác định tại thời điểm giám định. Ngày 23/3/2023, Phân viện Pháp y Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia tiến hành giám định đối với Huỳnh Thị Đ, nên không có ý kiến bàn luận về Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 100-23/KLTTCT-TTPYBT ngày 23/3/2023 của Trung tâm Pháp y Bến Tre

Ngày 28/4/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C ra Quyết định trưng cầu giám định bổ sung.

Ngày 10/5/2023, Phân viện pháp y Quốc gia tại Thành phố Hồ Chí Minh có Kết luận giám định bổ sung số: 94BS/KLTTCT-PVPYQG, kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo mổ và sẹo vết thương kích thước trung bình ngực trái.

- Sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ ngực trái.

- Sẹo dẫn lưu kích thước trung bình đường nách trước trái.

- Tổn thương nhu mô phổi đã điều trị gây sẹo xơ trong thùy lưỡi phổi trái, tràn dịch màng phổi và dày màng phổi.

2. Kết luận:

Căn cứ Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể từng vết thương của Huỳnh Thị Đ là:

+ Sẹo mổ và sẹo vết thương kích thước trung bình ngực trái: 02%.

+ Sẹo dẫn lưu kích thước nhỏ ngực trái: 01%.

+ Sẹo dẫn lưu kích thước trung bình đường nách trước trái: 02%.

+ Tổn thương nhu mô phổi đã điều trị gây sẹo xơ trong thùy lưỡi phổi trái, tràng dịch màng phổi và dày màng phổi: 16%.

Tạ Minh N có đơn yêu cầu giám định lại lần hai tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích.

Tại Kết luận giám định lại lần thứ hai tổn thương cơ thể trên người sống số: 131/23/KLTTCT- PYQG ngày 20/7/2023 của Viện pháp y Quốc gia kết luận:

1. Các kết quả chính:

- Sẹo vùng trước ngực trái kích thước trung bình.

- Sẹo khoang liên sườn V thành bên ngực trái kích thước nhỏ.

- Sẹo khoang liên sườn III, IV kích thước trung bình.

- Tổn thương màng phổi gây tràn khí, tràn máu màng phổi trái để lại di chứng dính màng phổi tại vị trí điểm thương tích.

2. Kết luận:

- Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm theo Thông tư 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế, tỷ lệ tổn thương cơ thể tại thời điểm giám định là:

+ Sẹo vùng trước ngực trái kích thước trung bình: 02%.

+ Sẹo khoang liên sườn V thành bên ngực trái kích thước nhỏ: 01% .

+ Sẹo khoang liên sườn III, IV kích thước trung bình: 02%.

+ Tổn thương màng phổi gây tràn khí, tràn máu màng phổi trái để lại di chứng dày dính màng phổi tại vị trí điểm thương tích: 08%.

Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể: 12%, theo phương pháp cộng tại Thông tư.

- Sẹo vùng trước thành ngực trái là di chứng vết thương do vật sắc nhọn tác

động trực tiếp vào ngực trái gây nên và do phẫu thuật.

- Sẹo khoang liên sườn V thành bên ngực trái là sẹo do dẫn lưu xử trí vết thương ngực.

- Sẹo khoang liên sườn III, IV ngực trái là sẹo do dẫn lưu xử trí vết thương ngực.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 53/2023/HS-ST ngày 14/11/2023 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã tuyên bố bị cáo Tạ Minh N phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tạ Minh N 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27/11/2023, bị cáo Tạ Minh N kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung của bản án sơ thẩm.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị: chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tạ Minh N 01 (một) năm tù về "Tội cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Yêu cầu Hội đồng xét xử cho bị cáo hưởng án treo để có cơ hội ở gần chăm sóc cha mẹ già và con nhỏ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của bị cáo gửi đến Tòa án trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được xem là hợp lệ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Tạ Minh N khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã xác định rằng: Vào khoảng 19 giờ, ngày 05/3/2023, trong lúc Tạ Minh N đến nhà bà Huỳnh Thị Đ ở ấp K, thị trấn

T, huyện C, tỉnh Bến Tre để nói chuyện về việc bà Đ nói xấu N và gia đình N thì hai bên xảy ra cự cãi. Do mâu thuẫn từ việc bà Đ nói xấu N, bực tức vì bà Đ chửi mình nên N đã có hành vi dùng dao đâm trúng vào vùng trước ngực trái gây thương tích cho bà Đ với tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do thương tích gây nên là 12%. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết bị cáo Tạ Minh N phạm "Tội cố ý gây thương tích" với tình tiết định khung "dùng hung khí nguy hiểm" quy định tại điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm cho thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã kết án đối với bị cáo là đúng quy định pháp luật, không oan sai.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, thấy rằng: Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 nên áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 01 (một) năm tù là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, bị cáo bổ sung tài liệu chứng cứ mới như: Biên nhận nhận tiền đề ngày 28/12/2023 giữa bị cáo và bị hại Huỳnh Thị Đ thể hiện bị cáo đã bồi thường cho bị hại toàn bộ số tiền 25.200.000đồng theo bản án sơ thẩm tuyên. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới mà bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Thấy rằng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã thỏa thuận bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại. Bị hại cũng có một phần lỗi. Đối chiếu với Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì bị cáo đủ điều kiện để hưởng án treo theo quy định. Vì vậy, cần chấp nhận kháng cáo của bị cáo, thay đổi biện pháp chấp hành án phạt tù, cho bị cáo hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao cho chính quyền địa phương với gia đình giám sát giáo dục cũng đủ điều kiện để cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt.

[4] Đối với quan điểm của Kiểm sát viên đã cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để đề nghị xử phạt bị cáo 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án phúc thẩm là có căn cứ đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm, theo quy định của pháp luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa quyết định của bản án sơ thẩm.

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 (thuộc trường hợp điểm a khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Tạ Minh N 01 (một) năm tù về "Tội cố ý gây thương tích" nhưng cho hưởng án treo; Thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 19/01/2024.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện C, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: bị cáo Tạ Minh N không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
-Vụ GĐKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (3b);
- Công an và VKSND huyện Châu Thành (2b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND thị trấn Tiên Thủy, huyện Châu Thành(1b);
- Bị cáo (1b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Quang Sơn